

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH QUÝ 1 NĂM 2025

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018 ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ

Trường tiểu học Đình Tiên Hoàng công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách quý 1 năm 2025 như sau:

ĐV tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý 1 năm 2024	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (6 tháng, năm) nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí, nguồn khác				
I	Số thu phí, lệ phí	0	0	0	0
2	Số thu từ nguồn thu khác	18.601	5.891	32%	178%
	<i>Tiền TC PV, QL & vệ sinh bán trú</i>	<i>3.367</i>	<i>1.114</i>		
	<i>Tiền TC dạy tăng cường môn Tiếng Anh</i>	<i>651</i>	<i>228</i>		
	<i>Tiền TC dạy các lớp Tin học tự chọn</i>	<i>85</i>	<i>30</i>		
	<i>Tiền Mua sắm thiết bị, vật dụng PV HSBT</i>	<i>160</i>	<i>0</i>		
	<i>Tiền TC các lớp học theo Đề án (Tiếng Anh Tích hợp)</i>	<i>941</i>	<i>19</i>		
	<i>Tiền Tổ chức dạy Kỹ năng sống</i>	<i>570</i>	<i>195</i>		
	<i>Tiền Tổ chức giáo dục Stem</i>	<i>557</i>	<i>190</i>		
	<i>Tiền TC học TA với người NN</i>	<i>1.057</i>	<i>364</i>		
	<i>TC dạy các lớp NK, CLB</i>	<i>1.407</i>	<i>484</i>		
	<i>Số Liên lạc điện tử</i>	<i>283</i>	<i>98</i>		
	<i>Tiền TC dạy tăng cường môn Tin học</i>	<i>82</i>	<i>28</i>		
	<i>Tiền TC các lớp học theo Đề án (Tin học định hướng chuẩn QT)</i>	<i>263</i>	<i>92</i>		
	<i>Tiền TC CT học TA thông qua môn Toán và Khoa học</i>	<i>1.700</i>	<i>594</i>		
	<i>Tiền suất ăn bán trú, nước uống</i>	<i>7.176</i>	<i>2.327</i>		
	<i>Tiền điện, bảo trì máy lạnh</i>	<i>278</i>	<i>126</i>		
	<i>Tiền học phẩm (Tiền phù hiệu HS)</i>	<i>16</i>	<i>0</i>		
	<i>Lãi tiền gửi ngân hàng</i>	<i>8</i>	<i>2</i>		
II	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	0	0		
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	41.707	6.550	16%	147%
I	Nguồn ngân sách trong nước	41.707	6.550	16%	147%
1	Chi từ nguồn ngân sách cấp	23.080	2.723	12%	122%
1.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	22.882	2.723	12%	122%
a	Chi thường xuyên	13.239	2.723		
-	Chi tiền lương	6.300	1.444		
	+ Lương theo ngạch, bậc	6.300	1.444		
	+ Lương theo hợp đồng	0	0		
	+ Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo HĐ	0	0		
-	Phụ cấp lương (Chi tiết từng loại phụ cấp)	3.563	780		
	+ Phụ cấp chức vụ	107	27		
	+ Phụ cấp ưu đãi nghề	2.250	491		
	+ Phụ cấp độc hại				
	+ Phụ cấp trách nhiệm công việc	14	2		

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý 1 năm 2024	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (6 tháng, năm) nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
	+ Phụ cấp thâm niên nhà giáo	1.192	260		
	+ Phụ cấp thâm niên vượt khung				
	- Các khoản đóng góp	1.786	398		
	+ Bảo hiểm xã hội	1.330	294		
	+ Bảo hiểm y tế	228	52		
	+ Bảo hiểm thất nghiệp	76	17		
	+ Kinh phí công đoàn	152	35		
	- Chi thanh toán khác cho cá nhân	103	101		
	- Tiền điện	144	0		
	- Tiền nước	120	0		
	- Tiền vệ sinh môi trường	24	0		
	- Văn phòng phẩm	48	0		
	- Cước phí điện thoại	12	0		
	- Thuê bao cáp truyền hình	1	0		
	- Cước phí internet, đường truyền mạng	36	0		
	- Tuyên truyền, sách báo, tạp chí	62	0		
	- Thuê lao động trong nước	240	0		
	- Thuê đào tạo lại cán bộ	50	0		
	Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng	350	0		
	- Chi mua hàng hóa, vật tư chuyên môn	200	0		
	- Chi phí hoạt động chuyên môn của ngành	200	0		
b	10% tiết kiệm chi thường xuyên thực hiện CCTL	0	0		
c	Kinh phí tiết kiệm chi thường xuyên	0	0		
d	Chi thu nhập tăng thêm theo NQ 03/2018/NQ-HĐND	9.643	0		
1.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	198	0	0%	0%
	- Phụ cấp thêm giờ (Phụ trội)	76	0	0	0
	- Phụ cấp ưu đãi cho GV học sinh khuyết tật	117	0	0	0
	- Hỗ trợ đối tượng chính sách chi phí học tập	5	0	0	0
2	Chi từ nguồn sự nghiệp	18.627	3.827	21%	165%
1.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	18.627	3.827	21%	165%
	a. Chi cho con người (chi trả lương theo hợp đồng,...)	5.175	1.300		
	- Tiền công trả cho lao động thường xuyên theo hợp đồng	1.808	557		
	- Phụ cấp lương	29	15		
	- Các khoản đóng góp theo lương	460	94		
	- Trợ cấp, phụ cấp khác (chi tiết từng loại phụ cấp)	2.741	634		
	+ Chi tiền ăn	187	30		
	+ Chi PC tổ chức, QL, điều hành hoạt động C/M	666	126		
	+ Phụ cấp dạy buổi hai cho GV	0	0		
	+ Phụ cấp dạy các CLB cho GV	844	175		
	+ Phụ cấp dạy tiếng Anh, tin học	182	103		
	+ Phụ cấp kiêm nhiệm, trách nhiệm CV cho CBGVNV	120	70		
	+ Phụ cấp cho NV hỗ trợ, phục vụ	0	130		
	+ Phụ cấp công tác cho NV hợp đồng	732	0		
	+ Phụ cấp. Trợ cấp khác	10	0		
	b. Chi phí nghiệp vụ chuyên môn (chi tiết từng nội dung)	4.444	695		
	+ Chi mua hàng hóa, vật tư chuyên môn	203	22		
	+ Mua ấn chỉ, pho to tài liệu	8	0		

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý 1 năm 2024	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (6 tháng, năm) nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
	+ Đồng phục, trang phục; bảo hộ lao động	6	0		
	+ Chi phí hoạt động chuyên môn của ngành	4.228	673		
	c. Chi thanh toán dịch vụ công cộng, vật tư, thông tin liên lạc	342	130		
	+ Tiền điện	120	79		
	+ Tiền nước	96	28		
	+ Tiền vệ sinh môi trường	24	18		
	+ Văn phòng phẩm	24	1		
	+ Cước phí điện thoại	4	0		
	+ Thuê bao cáp truyền hình; Cước phí internet, ..	30	4		
	+ Tuyên truyền, sách báo, tạp chí	14			
	d. Chi thuê mướn (chi tiết từng nội dung)	562	107		
	+ Thuê phương tiện vận tải	20	4		
	+ Thuê lao động trong nước	457	103		
	+ Thuê đào tạo lại cán bộ	65	0		
	+ Chi phí thuê mướn khác	20	0		
	e. Chi khác	7.732	1.477		
	- Tiền suất ăn bán trú, nước uống	7.176	1.451		
	- Tiền khám sức khỏe ban đầu	0	0		
	- Tiền điện sử dụng máy lạnh, bảo trì	278	26		
	- Chi mua sắm, sửa chữa (chi tiết từng nội dung)	250	1		
	+ Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công việc khác	200	1		
	+ Mua sắm tài sản phục vụ công tác chuyên môn	50	0		
	f. Chi nộp thuế GTGT & TNDN	372	118		
II	- Chi thực hiện chính sách tinh giản biên chế	0	0		
III	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	0	0		

C. Thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước quý 1 năm 2025:

I. Tổng thu sự nghiệp ước thực hiện trong quý 1/2025 là: 5.981 triệu đồng; đạt 32% so với dự toán đầu năm và đạt 178% so với ước thực hiện cùng kỳ năm trước.

II. Tổng chi ngân sách ước thực hiện trong quý 1/2025 là: 6.550 triệu đồng; đạt 16% so với dự toán giao đầu năm và đạt 147% so với ước thực hiện cùng kỳ năm trước. Trong đó:

1. Chi từ nguồn thu sự nghiệp: Ước thực hiện số tiền là: 3.827 triệu đồng; đạt 21% so với dự toán giao đầu năm và đạt 165% so với cùng kỳ năm trước.

2. Chi từ nguồn ngân sách nhà nước: Ước thực hiện 2.723 triệu đồng đạt 12% so với dự toán giao đầu năm và đạt 122% so với cùng kỳ năm trước trong đó:

2.1. Chi từ Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên: Ước thực hiện 2.723 triệu đồng đạt 12% so với dự toán giao đầu năm và đạt 122% so với cùng kỳ năm trước.

2.2. Chi từ Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên: Ước thực hiện không đồng; đạt 0% so dự toán giao đầu năm và đạt 0% so với cùng kỳ năm trước.

Người lập bảng

Tô Quốc Liệt



Quận 1, ngày 10 tháng 4 năm 2025

Thủ trưởng đơn vị

Trần Thị Thu Hương